

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/DS-ST

Ngày: 14-6-2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền.
2. Ông Nguyễn Văn Y.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT

Địa chỉ: Lầu 8, số 266 – 268 NKKN, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT chi nhánh Tiền Giang.

Người được ủy quyền lại: Anh Đào Văn V, sinh năm 1977, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Vĩnh Kim Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT – chi nhánh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 22/12/2021)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1965;
Địa chỉ: ấp VT, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(anh V có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT trình bày:

Vào ngày 12/11/2015, ông Nguyễn Văn T gửi đề nghị cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (sau đây gọi tắt là Bản Điều khoản và điều kiện) và được Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) chấp nhận ngày 18/11/2015. Ông T được sử dụng thẻ tín dụng này lần đầu vào ngày 30/11/2015.

Theo hợp đồng đã ký kết: Ông T được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Khi sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng sẽ gửi Thông báo cho ông T biết dư nợ và số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo định kỳ hàng tháng, thời hạn thanh toán vào ngày cuối cùng của tháng, nếu không thanh toán hoặc thanh toán không hết dư nợ thì phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất thay đổi theo từng thời điểm do Ngân hàng thông báo, lãi suất tại thời điểm vay là 2,5%/tháng trên tổng dư nợ, ngoài ra, ông T còn phải chịu các khoản phí hàng năm là 200.000đồng/năm (được thu mỗi năm một lần), phí sao kê 10.000đồng/tháng, phí vượt hạn mức là 0,075%/tháng (nhưng không thấp hơn 50.000đồng), phí chậm thanh toán (phí trễ hạn 4%/số tiền trễ hạn nhưng không thấp hơn 80.000đồng) và một số loại phí khác tùy theo dịch vụ mà ông T sử dụng. Nếu trên 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà ông T không thanh toán thì Ngân hàng được quyền chuyển toàn bộ dư nợ của ông T thành nợ đến hạn và buộc phải trả toàn bộ dư nợ và chấm dứt sử dụng Thẻ và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thực hiện giao dịch rút số tiền 51.650.000đồng và đã thanh toán không đầy đủ được tổng số tiền là 67.637.234đồng (trong đó tiền vốn là 31.207.630đồng, tiền lãi và phí là 36.509.392đồng). Ông T ngưng không thanh toán từ ngày 31/7/2021 nên đến ngày 30/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông T và chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn đối với số dư nợ là 22.626.942đồng và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán số nợ trên nhưng ông T không thực hiện. Tính đến ngày 03/11/2021, ông T còn nợ Ngân

hàng số tiền vốn là 22.626.942đồng và tiền lãi quá hạn là 1.000.110đồng, tổng cộng là 23.627.052đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 22.626.942đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/11/2021 là 1.000.110đồng, tổng cộng là 23.627.052đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh từ sau ngày 03/11/2021 đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 18/11/2015, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ông T có trả cho Ngân hàng số tiền 1.600.000đồng vào ngày 15/11/2022 nên ông T còn nợ số tiền vốn là 21.026.942đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 là 7.091.360đồng, tổng cộng là 28.118.302đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh từ sau ngày 13/6/2022 đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng ngày 18/11/2015, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Vào ngày 12/11/2015, ông Nguyễn Văn T gửi đề nghị cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Ngân hàng chấp nhận ngày 18/11/2015. Ông T được sử dụng thẻ tín dụng này lần đầu vào ngày 30/11/2015. Theo hợp đồng đã ký kết: Ông T được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Khi sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng sẽ gửi Thông báo cho ông T biết dư nợ và số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo định kỳ hàng tháng, thời hạn thanh toán vào ngày cuối cùng của tháng, nếu không thanh toán hoặc thanh toán không hết dư nợ thì phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng công bố vào từng thời điểm, ngoài ra ông T còn phải chịu các khoản phí hàng năm là 200.000đồng/năm (được thu mỗi năm một lần), phí sao kê 10.000đồng/tháng, phí vượt hạn mức là 0,075%/tháng (nhưng không thấp hơn 50.000đồng), phí chậm

thanh toán (phí trễ hạn 4%/số tiền trễ hạn nhưng không thấp hơn 80.000đồng) và một số loại phí khác tùy theo dịch vụ mà ông T sử dụng. Nếu trên 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà ông T không thanh toán thì Ngân hàng được quyền chuyển toàn bộ dư nợ của ông T thành nợ đến hạn và buộc phải trả toàn bộ dư nợ và chấm dứt sử dụng Thẻ và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thực hiện giao dịch rút số tiền 51.650.000đồng và đã thanh toán không đầy đủ được tổng số tiền là 67.637.234đồng (trong đó tiền vốn là 31.207.630đồng, tiền lãi và phí là 36.509.392đồng). Ông T ngưng không thanh toán từ ngày 31/7/2021 nên đến ngày 30/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông T và chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn đối với số dư nợ là 22.626.942đồng và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn. Sau đó, ông T có trả thêm số tiền 1.600.000đồng nên số dư nợ còn lại là 21.026.942đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán số nợ trên nhưng ông T không thực hiện. Tính đến ngày 13/6/2022, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 21.062.942đồng và tiền lãi quá hạn là 7.091.360đồng, tổng cộng là 28.118.302đồng.

[2.2] Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng, đã được nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với lời trình bày của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật.

[2.3] Xét thấy, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T được giao kết vào ngày 18/11/2015 trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, căn cứ vào Điều 122 và 405 của Bộ luật dân sự năm 2005, Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 18/11/2015 và những thỏa thuận trong Hợp đồng kèm theo Bản Điều khoản và điều kiện có giá trị ràng buộc các bên khi tham gia giao dịch. Căn cứ vào bản Tóm tắt sao kê quá trình giao dịch, bị đơn ông Nguyễn Văn T đã thực hiện giao dịch rút tiền với số tiền 50.650.000đồng và thường xuyên thanh toán trễ hạn nên Ngân hàng đã tính các khoản phí theo quy định cùng tiền lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 22 và 24 của Bản Điều khoản và điều kiện. Đồng thời, do bị đơn đã không thực hiện việc thanh toán theo đúng hạn nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm là phù hợp với quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện và quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.5] Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng

thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 28.118.302 đồng cùng tiền lãi phát sinh từ sau ngày 13/6/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trong thời gian nhất định là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 122, Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền là 28.118.302 đồng (hai mươi tám triệu một trăm mười tám ngàn ba trăm linh hai đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 13/6/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/11/2015 cùng bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT kèm theo giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT và ông Nguyễn Văn T. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 1.405.915 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT 591.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003822 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Huỳnh Trúc